2025
PRODUCT CATALOG

Beijing Fule Science & Technology Development Co
Add: No.50, Mafang West Industry Zone, Pinggu District, Beijing
Sale hot lines: 010-60999861/2
Tel: 010-60999866/32/75/17
Email: YXSC@fulekeji.com
Post Code: 101204
Fax: 010-60999863/8741

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

1.5 Straight Plate I
Nẹp khóa bàn ngón thẳng 1.5 - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ1.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ1.5mm, tự taro* Φ1.5mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ1.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ1.5mm, tự taro* Φ1.5mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	4.25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	4.25mm/1mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200046	FZz	6 holes *6 lỗ*	29.25	N/A
20200047	FZz	12 holes *12 lỗ*	59.25	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

2.0 Straight Plate I
Nẹp khóa bàn ngón thẳng 2.0 - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ2.0mm, tự taro* Φ2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ2.0mm, tự taro* Φ2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	4.6mm/1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	4.6mm/1mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	6mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
21700056	FZq	6 holes *6 lỗ*	34.5	N/A
21700057	FZq	8 holes *8 lỗ*	46.5	N/A
21700058	FZq	12 holes *12 lỗ*	70.5	N/A
21700059	FZq	16 holes *16 lỗ*	94.5	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0

Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

1.5 Y Mini Plate I

Nẹp khóa bàn ngón chữ Y 1.5 - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ1.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ1.5mm, tự taro* Φ1.5mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ1.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ1.5mm, tự taro* Φ1.5mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	4.25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	4.25mm/1mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200054	FYz	4 holes *4 lỗ*	25.75	N/A
20200055	FYz	8 holes *8 lỗ*	45.75	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

2.0 Y Mini Plate I
Nẹp khóa bàn ngón chữ Y 2.0 - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ2.0mm, tự taro* Φ2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ2.0mm, tự taro* Φ2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	5mm/1.3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	5mm/1.3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	6.8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200084	FYq	3 holes *3 lỗ*	27.1	N/A
20200085	FYq	5 holes *5 lỗ*	40.7	N/A
20200086	FYq	7 holes *7 lỗ*	54.3	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

2.0 Y Mini Plate II (Y Distal ulna locking plate)
Nẹp khóa nhỏ chữ Y 2.0 - II (Nẹp khóa đầu dưới xương trụ Y)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.0mm, tự taro* Φ 2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 2.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	5mm/1.3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4813008046	FYf	8 holes *8 lỗ*	46	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

1.5 T Mini Plate II
Nẹp khóa bàn ngón chữ T 1.5 - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ1.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ1.5mm, tự taro* Φ1.5mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ1.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ1.5mm, tự taro* Φ1.5mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ1.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	4.25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	4.25mm/1mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200050	FYf	3+4 holes *3+4 lỗ*	24.25	N/A
20200051	FYf	3+8 holes *3+8 lỗ*	44.25	N/A

Locking Plates System - 1.5/2.0
Hệ thống nẹp khóa - 1.5/2.0

2.0 T Mini Plate II
Nẹp khóa bàn ngón chữ T 2.0 - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ2.0mm, tự taro* Φ2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ2.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ2.0mm, tự taro* Φ2.0mm bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ2.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	5mm/1.3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	5mm/1.3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	6.8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200075	FYz	3 + 3 holes *3 + 3 lỗ*	25.3	N/A
20200076	FYz	3 + 5 holes *3 + 5 lỗ*	38.9	N/A
20200077	FYz	3 + 7 holes *3 +7 lỗ*	52.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

T Mini Plate

Nẹp khóa nhỏ chữ T

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro* Φ 2.7mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 2.7mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	18mm/1.7mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	8.7mm/1.8mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	15mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4808003031	FYf	4 + 3 holes *4 + 3 lỗ*	31	N/A
4808005046	FYf	4 + 5 holes *4 + 5 lỗ*	46	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Volar Radius Plate I

Nẹp khóa đầu dưới xương quay - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	25mm/1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	9.3mm/2.5mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4810103055	FYz	7 + 3 holes, left *7 + 3 lỗ, trái*	51.5	N/A
4810104060	FYz	7 + 4 holes, left *7 + 4 lỗ, trái*	59.5	N/A
4810105068	FYz	7 + 5 holes, left *7 + 5 lỗ, trái*	67.5	N/A
4810106076	FYz	7 + 6 holes, left *7 + 6 lỗ, trái*	75.5	N/A
4810107084	FYz	7 + 7 holes, left *7 + 7 lỗ, trái*	83.5	N/A
4810108092	FYz	7 + 8 holes, left *7 + 8 lỗ, trái*	91.5	N/A
4810203055	FYz	7 + 3 holes, right *7 + 3 lỗ, phải*	51.5	N/A
4810204060	FYz	7 + 4 holes, right *7 + 4 lỗ, phải*	59.5	N/A
4810205068	FYz	7 + 5 holes, right *7 + 5 lỗ, phải*	67.5	N/A
4810206076	FYz	7 + 6 holes, right *7 + 6 lỗ, phải*	75.5	N/A
4810207084	FYz	7 + 7 holes, right *7 + 7 lỗ, phải*	83.5	N/A
4810208092	FYz	7 + 8 holes, right *7 + 8 lỗ, phải*	91.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Volar Radius Plate II (polyaxial)

Nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws (polyaxial), self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm (đa hướng), tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro* Φ 2.7mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 2.7mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	22mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	8mm/2.4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	11mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4822100047	FYw	6+2H, Left *6+2H, trái*	47	N/A
4822200047	FYw	6+2H, Right *6+2H, phải*	47	N/A
4823103055	FYw	6+3H, Left *6+3H, trái*	55	N/A
4823203052	FYw	6+3H, Right *6+3H, phải*	55	N/A
4823104063	FYw	6+4H, Left *6+4H, trái*	66	N/A
4823204063	FYw	6+4H, Right *6+4H, phải*	66	N/A
4823105071	FYw	6+5H, Left *6+5H, trái*	74	N/A
4823205071	FYw	6+5H, Right *6+5H, phải*	74	N/A
4823107087	FYw	6+7H, Left *6+7H, trái*	90	N/A
4823207087	FYw	6+7H, Right *6+7H, phải*	90	N/A
4823109103	FYw	6+9H, Left *6+9H, trái*	106	N/A
4823209103	FYw	6+9H, Right *6+9H, phải*	106	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Volar Radius Plate II (polyaxial)

Nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws (polyaxial), self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm (đa hướng), tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro* Φ 2.7mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 2.7mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	25.5mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	8mm/2.4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	11mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20300021	FYw	7 + 2 holes, Left *7 + 2 lỗ, trái*	47	N/A
20300022	FYw	7 + 2 holes, Right *7 + 2 lỗ, phải*	47	N/A
20300023	FYw	7 + 3 holes, Left *7 + 3 lỗ, trái*	55	N/A
20300024	FYw	7 + 3 holes, Right *7 + 3 lỗ, phải*	55	N/A
20300026	FYw	7 + 4 holes, Left *7 + 4 lỗ, trái*	66	N/A
20300027	FYw	7 + 4 holes, Right *7 + 4 lỗ, phải*	66	N/A
20300028	FYw	7 + 5 holes, Left *7 + 5 lỗ, trái*	74	N/A
20300029	FYw	7 + 5 holes, Right *7 + 5 lỗ, phải*	74	N/A
20300030	FYw	7 + 7 holes, Left *7 + 7 lỗ, trái*	90	N/A
20300031	FYw	7 + 7 holes, Right *7 + 7 lỗ, phải*	90	N/A
20300032	FYw	7 + 9 holes, Left *7 + 9 lỗ, trái*	106	N/A
20300033	FYw	7 + 9 holes, Right *7 + 9 lỗ, phải*	106	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Narrow Straight Plate II

Nẹp khóa cẳng tay- II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	8.5mm/2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	11mm/3.2mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	12mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20300149	FZz	4 holes *4 lỗ*	51	N/A
20300150	FZz	5 holes *5 lỗ*	66	N/A
20300151	FZz	6 holes *6 lỗ*	81	N/A
20300152	FZz	7 holes *7 lỗ*	96	N/A
20300153	FZz	8 holes *8 lỗ*	107	N/A
20300154	FZz	9 holes *9 lỗ*	122	N/A
20300155	FZz	10 holes *10 lỗ*	135	N/A
20300156	FZz	12 holes *12 lỗ*	159	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Olecranon Shaped Plate I

Nẹp khóa mỏm khuỷu - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	14.8mm/2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10.1mm/2.9mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	13mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4419702080	FYf	8 + 2 holes, Left *8 + 2 lỗ, trái*	80	N/A
4419802080	FYf	8 + 2 holes, Right *8 + 2 lỗ, phải*	80	N/A
4419704106	FYf	8 + 4 holes, Left *8 + 4 lỗ, trái*	106	N/A
4419804106	FYf	8 + 4 holes, Right *8 + 4 lỗ, phải*	106	N/A
4419706132	FYf	8 + 6 holes, Left *8 + 6 lỗ, trái*	132	N/A
4419806132	FYf	8 + 6 holes, Right *8 + 6 lỗ, phải*	132	N/A
4419708158	FYf	8 + 8 holes, Left *8 + 8 lỗ, trái*	158	N/A
4419808158	FYf	8 + 8 holes, Right *8 + 8 lỗ, phải*	158	N/A
4419710184	FYf	8 + 10 holes, Left *8 + 10 lỗ, trái*	184	N/A
4419810184	FYf	8 + 10 holes, Right *8 + 10 lỗ, phải*	184	N/A
4419712210	FYf	8 + 12 holes, Left *8 + 12 lỗ, trái*	210	N/A
4419812210	FYf	8 + 12 holes, Right *8 + 12H, phải*	210	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Proximal Humeral Plate I

Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	20.3mm/1.6mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	12.3mm/3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	12mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4484602090	FYf	10 +2 holes *10 + 2 lỗ*	90	N/A
4484603102	FYf	10 + 3 holes *10 + 3 lỗ*	102	N/A
4484604114	FYf	10 + 4 holes *10 + 4 lỗ*	114	N/A
4807005126	FYf	10 + 5 holes *10 + 5 lỗ*	126	N/A
4807006138	FYf	10 + 6 holes *10 + 6 lỗ*	138	N/A
4807007150	FYf	10 + 7 holes *10 + 7 lỗ*	150	N/A
4807008162	FYf	10 + 8 holes *10 + 8 lỗ*	162	N/A
4807009174	FYf	10 + 9 holes *10 + 9 lỗ*	174	N/A
4807010186	FYf	10 + 10 holes *10 + 10 lỗ*	186	N/A
4807011198	FYf	10 + 11 holes *10 + 11 lỗ*	198	N/A
4807012210	FYf	10 + 12 holes *10 + 12 lỗ*	210	N/A
4807013222	FYf	10 + 13 holes *10 + 13 lỗ*	222	N/A
4807014234	FYf	10 + 14 holes *10 + 14 lỗ*	234	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Medial Humeral Plate II

Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	11.4mm/1.7mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	11.4mm/2.5mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	13mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4180703058	FYf	3 + 3 holes, Left *3 + 3 lỗ, trái*	58	N/A
4180803058	FYf	3 + 3 holes, Right *3 + 3 lỗ, phải*	58	N/A
4180704071	FYf	3 + 4 holes, Left *3 + 4 lỗ, trái*	71	N/A
4180804071	FYf	3 + 4 holes, Right *3 + 4 lỗ, phải*	71	N/A
4180705084	FYf	3 + 5 holes, Left *3 + 5 lỗ, trái*	84	N/A
4180805084	FYf	3 + 5 holes, Right *3 + 5 lỗ, phải*	84	N/A
4180706097	FYf	3 + 6 holes, Left *3 + 6 lỗ, trái*	97	N/A
4180806097	FYf	3 + 6 holes, Right *3 + 6 lỗ, phải*	97	N/A
4180707110	FYf	3 + 7 holes, Left *3 + 7 lỗ, trái*	110	N/A
4180807110	FYf	3 + 7 holes, Right *3 + 7 lỗ, phải*	110	N/A
4180708123	FYf	3 + 8 holes, Left *3 + 8 lỗ, trái*	123	N/A
4180808123	FYf	3 + 8 holes, Right *3 + 8 lỗ, phải*	123	N/A
4180709136	FYf	3 + 9 holes, Left *3 + 9 lỗ, trái*	136	N/A
4180809136	FYf	3 + 9 holes, Right *3 + 9 lỗ, phải*	136	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Lateral Humeral Plate I

Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	20.7mm/2.5mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	11.2mm/2.5mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	13mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4851103064	FYf	6 + 3 holes, Left *6 + 3 lỗ, trái*	64	N/A
4851203064	FYf	6 + 3 holes, Right *6 + 3 lỗ, phải*	64	N/A
4851104077	FYf	6 + 4 holes, Left *6 + 4 lỗ, trái*	77	N/A
4851204077	FYf	6 + 4 holes, Right *6 + 4 lỗ, phải*	77	N/A
4851105090	FYf	6 + 5 holes, Left *6 + 5 lỗ, trái*	90	N/A
4851205090	FYf	6 + 5 holes, Right *6 + 5 lỗ, phải*	90	N/A
4851106103	FYf	6 + 6 holes, Left *6 + 6 lỗ, trái*	103	N/A
4851206103	FYf	6 + 6 holes, Right *6 + 6 lỗ, phải*	103	N/A
4851107116	FYf	6 + 7 holes, Left *6 + 7 lỗ, trái*	116	N/A
4851207116	FYf	6 + 7 holes, Right *6 + 7 lỗ, phải*	116	N/A
4851108129	FYf	6 + 8 holes, Left *6 + 8 lỗ, trái*	129	N/A
4851208129	FYf	6 + 8 holes, Right *6 + 8 lỗ, phải*	129	N/A
4851109142	FYf	6 + 9 holes, Left *6 + 9 lỗ, trái*	142	N/A
4851209142	FYf	6 + 9 holes, Right *6 + 9 lỗ, phải*	142	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Clavicle Hook Plate

Nẹp khóa móc cùng đòn

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	19mm/2.2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/3.5mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	10mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4455703052	FYf	3 holes, Left, hook depth 15mm *3 lỗ, trái, móc nẹp 15mm*	52	N/A
4455803052	FYf	3 holes, Right, hook depth 15mm *3 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	52	N/A
4455704062	FYf	4 holes, Left, hook depth 15mm *4 lỗ, trái, móc nẹp 15mm*	62	N/A
4455804062	FYf	4 holes, Right, hook depth 15mm *4 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	62	N/A
4455705072	FYf	5 holes, Left, hook depth 15mm *5 lỗ, trái, móc nẹp 15mm*	72	N/A
4455805072	FYf	5 holes, Right, hook depth 15mm *5 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	72	N/A
4455706082	FYf	6 holes, Left, hook depth 15mm *6 lỗ, trái, móc nẹp 15mm*	82	N/A
4455806082	FYf	6 holes, Right, hook depth 15mm *6 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	82	N/A
4455707095	FYf	7 holes, Left, hook depth 15mm *7 lỗ, trái, móc nẹp 15mm*	95	N/A
4455807095	FYf	7 holes, Right, hook depth 15mm *7 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	95	N/A
4455708106	FYf	8 holes, Left, hook depth 15mm *8 lỗ, trái, móc nẹp 15mm*	106	N/A
4455808106	FYf	8 holes, Right, hook depth 15mm *8 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	106	N/A
4454703052	FYf	3 holes, Left, hook depth 18mm *3 lỗ, trái, móc nẹp 18mm*	52	N/A
4454803052	FYf	3 holes, Right, hook depth 18mm *3 lỗ, phải, móc nẹp 18mm*	52	N/A
4454704062	FYf	4 holes, Left, hook depth 18mm *4 lỗ, trái, móc nẹp 18mm*	62	N/A
4454804062	FYf	4 holes, Right, hook depth 18mm *4 lỗ, phải, móc nẹp 15mm*	62	N/A
4454705072	FYf	5 holes, Left, hook depth 18mm *5 lỗ, trái, móc nẹp 18mm*	72	N/A
4454805072	FYf	5 holes, Right, hook depth 18mm *5 lỗ, phải, móc nẹp 18mm*	72	N/A
4454706082	FYf	6 holes, Left, hook depth 18mm *6 lỗ, trái, móc nẹp 18mm*	82	N/A
4454806082	FYf	6 holes, Right, hook depth 18mm *6 lỗ, phải, móc nẹp 18mm*	82	N/A
4454707095	FYf	7 holes, Left, hook depth 18mm *7 lỗ, trái, móc nẹp 18mm*	95	N/A
4454807095	FYf	7 holes, Right, hook depth 18mm *7 lỗ, phải, móc nẹp 18mm*	95	N/A
4454708106	FYf	8 holes, Left, hook depth 18mm *8 lỗ, trái, móc nẹp 18mm*	106	N/A
4454808106	FYf	8 holes, Right, hook depth 18mm *8 lỗ, phải, móc nẹp 18mm*	106	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Mid - Clavicle plate

Nẹp khóa thân xương đòn

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	10mm/3.2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/3.2mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	11mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4819106094	FYf	6 holes, Left *6 lỗ, trái*	94	N/A
4819206094	FYf	6 holes, Right *6 lỗ, phải*	94	N/A
4819107107	FYf	7 holes, Left *7 lỗ, trái*	106.5	N/A
4819207107	FYf	7 holes, Right *7 lỗ, phải*	106.5	N/A
4819108118	FYf	8 holes, Left *8 lỗ, trái*	117.5	N/A
4819208118	FYf	8 holes, Right *8 lỗ, phải*	117.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5
Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Mid - Clavicle plate
Nẹp khóa thân xương đòn

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	10mm/3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	12mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4845106069	FYz	6 holes, Left *6 lỗ, trái*	69.5	N/A
4845206069	FYz	6 holes, Right *6 lỗ, phải*	69.5	N/A
4845107081	FYz	7 holes, Left *7 lỗ, trái*	81.5	N/A
4845207081	FYz	7 holes, Right *7 lỗ, phải*	81.5	N/A
4845108093	FYz	8 holes, Left *8 lỗ, trái*	93	N/A
4845208093	FYz	8 holes, Right *8 lỗ, phải*	93	N/A
4845108104	FYz	9 holes, Left *9 lỗ, trái*	105	N/A
4845208104	FYz	9 holes, Right *9 lỗ, phải*	105	N/A
4845110115	FYz	10 holes, Left *10 lỗ, trái*	115.5	N/A
4845210115	FYz	10 holes, Right *10 lỗ, phải*	115.5	N/A
4845112135	FYz	12 holes, Left *12 lỗ, trái*	135	N/A
4845212135	FYz	12 holes, Right *12 lỗ, phải*	135	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Clavicle Plate I

Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	16mm/3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/3.4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	12mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4820104069	FYf	6+3H, Left *6+3H, trái*	69	N/A
4820204069	FYf	6+3H, Right *6+3H, phải*	69	N/A
4820105081	FYf	6+4H, Left *6+4H, trái*	81	N/A
4820205081	FYf	6+4H, Right *6+4H, phải*	81	N/A
4820106094	FYf	6+5H, Left *6+5H, trái*	94	N/A
4820206094	FYf	6+5H, Right *6+5H, phải*	94	N/A
4820107108	FYf	6+6H, Left *6+6H, trái*	108	N/A
4820207108	FYf	6+6H, Right *6+6H, phải*	108	N/A
4820108123	FYf	6+7H, Left *6+7H, trái*	123	N/A
4820208123	FYf	6+7H, Right *6+7H, phải*	123	N/A
4820109135	FYf	6+8H, Left *6+8H, trái*	135	N/A
4820209135	FYf	6+8H, Right *6+8H, phải*	135	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

1/3 Tubular Shaped Plate

Nẹp khóa lòng máng 1/3

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	10mm/2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/2mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	12mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4165605064	FZz	5 holes *5 lỗ*	64	N/A
4165606076	FZz	6 holes *6 lỗ*	76	N/A
4165607088	FZz	7 holes *7 lỗ*	88	N/A
4165608100	FZz	8 holes *8 lỗ*	100	N/A
4165610124	FZz	10 holes *10 lỗ*	124	N/A
4165610148	FZz	12 holes *12 lỗ*	148	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Medial Tibia Plate I

Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	20.5mm/2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10.5mm/4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	13mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
370601002	FYf	9+6 holes, Left *9+6 lỗ, trái*	148	N/A
370606002	FYf	9+6 holes, Right *9+6 lỗ, phải*	148	N/A
370602002	FYf	9+8 holes, Left *9+8 lỗ, trái*	174	N/A
370607002	FYf	9+8 holes, Right *9+8 lỗ, phải*	174	N/A
370603002	FYf	9+10 holes, Left *9+10 lỗ, trái*	200	N/A
370608002	FYf	9+10 holes, Right *9+10 lỗ, phải*	200	N/A
370604002	FYf	9+12 holes, Left *9+12 lỗ, trái*	226	N/A
370609002	FYf	9+12 holes, Right *9+12 lỗ, phải*	226	N/A
370605002	FYf	9+14 holes, Left *9+14 lỗ, trái*	252	N/A
370610002	FYf	9+14 holes, Right *9+14 lỗ, phải*	252	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Lateral Tibia Plate I

Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trước - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (polyaxial) *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đa hướng)* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	32.5mm/2.4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	15mm/3.4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	15mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3804104082	FYf	6+4 holes, Left *6+4 lỗ, trái*	82	N/A
3804204082	FYf	6+4 holes, Right *6+4 lỗ, phải*	82	N/A
3804106112	FYf	6+6 holes, Left *6+6 lỗ, trái*	112	N/A
3804206112	FYf	6+6 holes, Right *6+6 lỗ, phải*	112	N/A
3804108142	FYf	6+8 holes, Left *6+8 lỗ, trái*	142	N/A
3804208142	FYf	6+8 holes, Right *6+8 lỗ, phải*	142	N/A
3804110172	FYf	6+10 holes, Left *6+10 lỗ, trái*	172	N/A
3804210172	FYf	6+10 holes, Right *6+10 lỗ, phải*	172	N/A
3804112202	FYf	6+12 holes, Left *6+12 lỗ, trái*	202	N/A
3804212202	FYf	6+12 holes, Right *6+12 lỗ, phải*	202	N/A
3804114232	FYf	6+14 holes, Left *6+14 lỗ, trái*	232	N/A
3804214232	FYf	6+14 holes, Right *6+14 lỗ, phải*	232	N/A
3804116262	FYf	6+16 holes, Left *6+16 lỗ, trái*	262	N/A
3804216262	FYf	6+16 holes, Right *6+16 lỗ, phải*	262	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5
Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Distal Fibula Plate II
Nẹp khóa đầu dưới xương mác - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 2.7mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 2.7mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	15mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	11.5mm/2.5mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	13mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4794103084	FYf	8 + 3 holes, Left *8 + 3 lỗ, trái*	84	N/A
4794203084	FYf	8 + 3 holes, Right *8 + 3 lỗ, phải*	84	N/A
4794104097	FYf	8 + 4 holes, Left *8 + 4 lỗ, trái*	97	N/A
4794204097	FYf	8 + 4 holes, Right *8 + 4 lỗ, phải*	97	N/A
4794105110	FYf	8 + 5 holes, Left *8 + 5 lỗ, trái*	110	N/A
4794205110	FYf	8 + 5 holes, Right *8 +5 lỗ, phải*	110	N/A
4794106123	FYf	8 + 6 holes, Left *8 + 6 lỗ, trái*	123	N/A
4794206123	FYf	8 + 6 holes, Right *8 + 6 lỗ, phải*	123	N/A
4794107136	FYf	8 + 7 holes, Left *8 + 7 lỗ, trái*	136	N/A
4794207136	FYf	8 + 7 holes, Right *8 + 7 lỗ, phải*	136	N/A
4794109162	FYf	8 + 9 holes, Left *8 + 9 lỗ, trái*	162	N/A
4794209162	FYf	8 + 9 holes, Right *8 + 9 lỗ, phải*	162	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

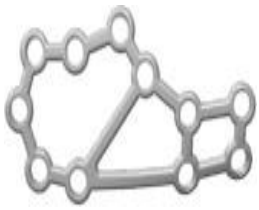

Calcaneal Plate VIII

Nẹp khóa xương gót - VIII

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹp)*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹp)* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Thickness of head: *Đầu nẹp dày:*	2mm
Thickness of Stem: *Thân nẹp dày:*	1.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4847111060	FYz	11 holes, small, left *11 lỗ, nhỏ, trái*	59	N/A
4847211060	FYz	11 holes, small, right *11 lỗ, nhỏ, phải*	59	N/A
4847111068	FYz	11 holes, medium, left *11 lỗ, trung bình, trái*	67.5	N/A
4847211068	FYz	11 holes, medium, right *11 lỗ, trung bình, phải*	67.5	N/A
4847111070	FYz	11 holes, large, left *11 lỗ, lớn, trái*	72	N/A
4847211070	FYz	11 holes, large, right *11 lỗ, lớn, phải*	72	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Arc-Shaped Reconstruction Plate II

Nẹp tái tạo cong – II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹp)*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping (flat head) *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro (đầu dẹp)* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	13.5mm/4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp dày:*	13.5mm/4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	10mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200436	FYS01	6 holes *6 lỗ*	124	N/A
20200437	FYS01	6 holes *6 lỗ*	134	N/A
20200438	FYS01	6 holes *6 lỗ*	144	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

3.5 Straight Reconstruction Plate I

Nẹp khóa mắc xích 3.5 - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	10mm/3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	12mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4174604046	FZz	4 holes *4 lỗ*	46	N/A
4174605058	FZz	5 holes *5 lỗ*	58	N/A
4174606070	FZz	6 holes *6 lỗ*	70	N/A
4174607082	FZz	7 holes *7 lỗ*	82	N/A
4174608094	FZz	8 holes *8 lỗ*	94	N/A
4174610118	FZz	10 holes *10 lỗ*	118	N/A
4174612142	FZz	12 holes *12 lỗ*	142	N/A
4174614166	FZz	14 holes *14 lỗ*	166	N/A
4174616190	FZz	16 holes *16 lỗ*	190	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

3.5 Arc-Shaped Reconstruction Plate II

Nẹp khóa tái tạo cong 3.5 - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	10mm/3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	10mm/3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	10.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4525606076	FYz	6 holes *6 lỗ*	76	N/A
4525608099	FYz	8 holes *8 lỗ*	99	N/A
4525610120	FYz	10 holes *10 lỗ*	120	N/A
4525612138	FYz	12 holes *12 lỗ*	138.5	N/A
4525614154	FYz	14 holes *14 lỗ*	154.5	N/A
4525616167	FYz	16 holes *16 lỗ*	167.5	N/A

Locking Plates System - 2.4/2.7/3.5

Hệ thống nẹp khóa - 2.4/2.7/3.5

Proximal Femoral Plate IV

Nẹp khóa đầu trên xương đùi nhi - IV

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 3.5mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 3.5mm, tự taro* Φ 3.5/4.0mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 3.5/4.0mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	19mm/3.2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	13mm/3.2mm
Curvature degree: *Độ cong:*	120°

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4858004076	FYf	3 + 4 holes *3 + 4 lỗ*	76	N/A
4858006102	FYf	3 + 6 holes *3 + 6 lỗ*	102	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Proximal Femoral Plate IV
Nẹp khóa đầu trên xương đùi nhi - IV

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	23mm/4.2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	13.8mm/4.2mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	16mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4863004095	Fyz	3 + 4 holes *3 + 4 lỗ*	94.5	N/A
4863006128	Fyz	3 + 6 holes *3 + 6 lỗ*	127.5	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Proximal Femoral Plate II
Nẹp khóa đầu trên xương đùi - II

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ6.5mm locking screws, self-tapping (Cannulated) *Vít khóa Φ 6.5mm, tự taro (rỗng nòng)*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	29mm/3.8mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	18mm/5.7mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4801103120	FYf	6+3 holes, Left *6+3 lỗ, trái*	120	N/A
4801203120	FYf	6+3 holes, Right *6+3 lỗ, phải*	120	N/A
4801104138	FYf	6+4 holes, Left *6+4 lỗ, trái*	138	N/A
4801204138	FYf	6+4 holes, Right *6+4 lỗ, phải*	138	N/A
4801105156	FYf	6+5 holes, Left *6+5 lỗ, trái*	156	N/A
4801205156	FYf	6+5 holes, Right *6+5 lỗ, phải*	156	N/A
4801106174	FYf	6+6 holes, Left *6+6 lỗ, trái*	174	N/A
4801206174	FYf	6+6 holes, Right *6+6 lỗ, phải*	174	N/A
4801107192	FYf	6+7 holes, Left *6+7 lỗ, trái*	192	N/A
4801207192	FYf	6+7 holes, Right *6+7 lỗ, phải*	192	N/A
4801108210	FYf	6+8 holes, Left *6+8 lỗ, trái*	210	N/A
4801208210	FYf	6+8 holes, Right *6+8 lỗ, phải*	210	N/A
4801109228	FYf	6+9 holes, Left *6+9 lỗ, trái*	228	N/A
4801208228	FYf	6+9 holes, Right *6+9 lỗ, phải*	228	N/A
4801110246	FYf	6+10 holes, Left *6+10 lỗ, trái*	246	N/A
4801210246	FYf	6+10 holes, Right *6+10 lỗ, phải*	246	N/A
4801111264	FYf	6+11 holes, Left *6+11 lỗ, trái*	264	N/A
4801211264	FYf	6+11 holes, Right *6+11 lỗ, phải*	264	N/A
4801112282	FYf	6+12 holes, Left *6+12 lỗ, trái*	282	N/A
4801212282	FYf	6+12 holes, Right *6+12 lỗ, phải*	282	N/A
4801113300	FYf	6+13 holes, Left *6+13 lỗ, trái*	300	N/A
4801213300	FYf	6+13 holes, Right *6+13 lỗ, phải*	300	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Distal Femoral Plate I
Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	32mm/3.1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	16mm/5.6mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	20mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4802105160	FYf	7+5H, Left *7+5H, trái*	160	N/A
4802205160	FYf	7+5H, Right *7+5H, phải*	160	N/A
4802106180	FYf	7+6H, Left *7+6H, trái*	180	N/A
4802206180	FYf	7+6H, Right *7+6H, phải*	180	N/A
4802107200	FYf	7+7H, Left *7+7H, trái*	200	N/A
4802207200	FYf	7+7H, Right *7+7H, phải*	200	N/A
4802108220	FYf	7+8H, Left *7+8H, trái*	220	N/A
4802208220	FYf	7+8H, Right *7+8H, phải*	220	N/A
4802109240	FYf	7+9H, Left *7+9H, trái*	240	N/A
4802209240	FYf	7+9H, Right *7+9H, phải*	240	N/A
4802110260	FYf	7+10H, Left *7+10H, trái*	260	N/A
4802210260	FYf	7+10H, Right *7+10H, phải*	260	N/A
4802111280	FYf	7+11H, Left *7+11H, trái*	280	N/A
4802211280	FYf	7+11H, Right *7+11H, phải*	280	N/A
4802112300	FYf	7+12H, Left *7+12H, trái*	300	N/A
4802212300	FYf	7+12H, Right *7+12H, phải*	300	N/A
4802113320	FYf	7+13H, Left *7+13H, trái*	320	N/A
4802213320	FYf	7+13H, Right *7+13H, phải*	320	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Wide Straight Plate
Nẹp khóa bản rộng

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5/6.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5/6.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5/6.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5/6.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	18mm/6.3mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	18mm/6.3mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4405607136	FZf	7 holes *7 lỗ*	136	N/A
4405608154	FZf	8 holes *8 lỗ*	154	N/A
4405609172	FZf	9 holes *9 lỗ*	172	N/A
4405610190	FZf	10 holes *10 lỗ*	190	N/A
4405611208	FZf	11 holes *11 lỗ*	208	N/A
4405612226	FZf	12 holes *12 lỗ*	226	N/A
4405614262	FZf	14 holes *14 lỗ*	262	N/A
4405614298	FZf	16 holes *16 lỗ*	298	N/A
4405614334	FZf	18 holes *18 lỗ*	334	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Proximal Medial Tibia Plate I
Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	36.5mm/3.4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	15.5mm/4.1mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200515	FYf	4+3H, Left *4+3H, trái*	96.5	N/A
4523903096	FYf	4+3H, Right *4+3H, phải*	96.5	N/A
4523705132	FYf	4+5H, Left *4+5H, trái*	132.5	N/A
4523805132	FYf	4+5H, Right *4+5H, phải*	132.5	N/A
4523707168	FYf	4+7H, Left *4+7H, trái*	168.5	N/A
4523807168	FYf	4+7H, Right *4+7H, phải*	168.5	N/A
4523709204	FYf	4+9H, Left *4+9H, trái*	204.5	N/A
4523809204	FYf	4+9H, Right *4+9H, phải*	204.5	N/A
4523711240	FYf	4+11H, Left *4+11H, trái*	240.5	N/A
4523811240	FYf	4+11H, Right *4+11H, phải*	240.5	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

T-Shaped Support Plate
Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	28mm/2.2mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	13mm/3.6mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4787104104	FYz	3 + 4 holes, Left *3 + 4 lỗ, trái*	104	N/A
4787204104	FYz	3 + 4 holes, Right *3 + 4 lỗ, phải*	104	N/A
4788106140	FYz	3 + 6 holes, Left *3 + 6 lỗ, trái*	140	N/A
4788206140	FYz	3 + 6 holes, Right *3 + 6 lỗ, phải*	140	N/A
4788108176	FYz	3 + 8 holes, Left *3 + 8 lỗ, trái*	176	N/A
4788208176	FYz	3 + 8 holes, Right *3 + 8 lỗ, phải*	176	N/A
4788110212	FYz	3 + 10 holes, Left *3 + 10 lỗ, trái*	212	N/A
4788210212	FYz	3 + 10 holes, Right *3 + 10 lỗ, phải*	212	N/A
4788112248	FYz	3 + 12 holes, Left *3 + 12 lỗ, trái*	248	N/A
4788212248	FYz	3 + 12 holes, Right *3 + 12 lỗ, phải*	248	N/A
4788114284	FYz	3 + 14 holes, Left *3 + 14 lỗ, trái*	284	N/A
4788214284	FYz	3 + 14 holes, Right *3 + 14 lỗ, phải*	284	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Proximal Lateral Tibia Plate I
Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	22mm/3.1mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	16mm/4.7mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	20mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4805105110	FYf	3+5H, Left *3+5H, trái*	104	N/A
4805205110	FYf	3+5H, Right *3+5H, phải*	104	N/A
4806106124	FYf	3+6H, Left *3+6H, trái*	124	N/A
4806206124	FYf	3+6H, Right *3+6H, phải*	124	N/A
4806107144	FYf	3+7H, Left *3+7H, trái*	144	N/A
4806207144	FYf	3+7H, Right *3+7H, phải*	144	N/A
4806108164	FYf	3+8H, Left *3+8H, trái*	164	N/A
4806208164	FYf	3+8H, Right *3+8H, phải*	164	N/A
4806109184	FYf	3+9H, Left *3+9H, trái*	184	N/A
4806209184	FYf	3+9H, Right *3+9H, phải*	184	N/A
4806110204	FYf	3+10H, Left *3+10H, trái*	204	N/A
4806210204	FYf	3+10H, Right *3+10H, phải*	204	N/A
4806111224	FYf	3+11H, Left *3+11H, trái*	224	N/A
4806211224	FYf	3+11H, Right *3+11H, phải*	224	N/A
4806112244	FYf	3+12H, Left *3+12H, trái*	244	N/A
4806212244	FYf	3+12H, Right *3+12H, phải*	244	N/A
4806113264	FYf	3+13H, Left *3+13H, trái*	264	N/A
4806213264	FYf	3+13H, Right *3+13H, phải*	264	N/A
4806114284	FYf	3+14H, Left *3+14H, trái*	284	N/A
4806214284	FYf	3+14H, Right *3+14H, phải*	284	N/A
4806115304	FYf	3+15H, Left *3+15H, trái*	304	N/A
4806215304	FYf	3+15H, Right *3+15H, phải*	304	N/A

Locking Plates System – 5.0

Hệ thống nẹp khóa – 5.0

L-Shaped Support Plate

Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài chữ L

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	35mm/1.4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	13.6mm/3.7mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4791104082	FYL02	3 + 4 holes, Left *3 + 4 lỗ, trái*	82	N/A
4791204082	FYL02	3 + 4 holes, Right *3 + 4 lỗ, phải*	82	N/A
4791106118	FYL02	3 + 6 holes, Left *3 + 6 lỗ, trái*	118	N/A
4791206118	FYL02	3 + 6 holes, Right *3 + 6 lỗ, phải*	118	N/A
4791108154	FYL02	3 + 8 holes, Left *3 + 8 lỗ, trái*	154	N/A
4791208154	FYL02	3 + 8 holes, Right *3 + 8 lỗ, phải*	154	N/A
4791110190	FYL02	3 + 10 holes, Left *3 + 10 lỗ, trái*	190	N/A
4791210190	FYL02	3 + 10 holes, Right *3 + 10 lỗ, phải*	190	N/A
4791112226	FYL02	3 + 12 holes, Left *3 + 12 lỗ, trái*	226	N/A
4791212226	FYL02	3 + 12 holes, Right *3 + 12 lỗ, phải*	226	N/A
4791114262	FYL02	3 + 14 holes, Left *3 + 14 lỗ, trái*	262	N/A
4791214262	FYL02	3 + 14 holes, Right *3 + 14 lỗ, phải*	262	N/A

Locking Plates System – 5.0
Hệ thống nẹp khóa – 5.0

Narrow Straight Plate I
Nẹp khóa bản hẹp - I

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	13mm/4mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	13mm/4mm
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4172605096	FZf	5 holes *5 lỗ*	96	N/A
4172606114	FZf	6 holes *6 lỗ*	114	N/A
4172607132	FZf	7 holes *7 lỗ*	132	N/A
4172608150	FZf	8 holes *8 lỗ*	150	N/A
4172609168	FZf	9 holes *9 lỗ*	168	N/A
4172610186	FZf	10 holes *10 lỗ*	186	N/A
4172612222	FZf	12 holes *12 lỗ*	222	N/A
4172612240	FZf	14 holes *14 lỗ*	240	N/A
4172612258	FZf	16 holes *16 lỗ*	258	N/A

Angle Plates System – DHS
Hệ thống nẹp góc – DHS

DHS Bone Plate (Proximal femoral locking plate with dynamic hip screw)
Nẹp khóa DHS (Nẹp khóa vít động đầu trên xương đùi)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Head Screw: *Vít đầu nẹp:*	Φ 12.5mm cannulated compression screw *Vít rỗng nòng Φ12.5mm*
Shaft Screw: *Vít thân nẹp:*	Φ 5.0mm locking screws, self-tapping *Vít khóa Φ 5.0mm, tự taro* Φ 4.5/6.5mm titanium bone screws, self-tapping *Vít xương cứng Φ 4.5/ Vít xương xốp 6.5mm, tự taro*
Width & Thickness of head: *Đầu nẹp rộng & dày:*	19mm/5.5mm
Width & Thickness of Stem: *Thân nẹp rộng & dày:*	N/A
Distance between Holes: *Khoảng cách lỗ:*	18mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
360401000	DHSI	135°, 3 holes *135°, 3 lỗ*	82	N/A
360402000	DHSI	135°, 4 holes *135°, 4 lỗ*	100	N/A
360403000	DHSI	135°, 5 holes *135°, 5 lỗ*	118	N/A
360404000	DHSI	135°, 6 holes *135°, 6 lỗ*	136	N/A
360405000	DHSI	135°, 7 holes *135°, 7 lỗ*	154	N/A
360406000	DHSI	135°, 8 holes *135°, 8 lỗ*	172	N/A
360407000	DHSI	135°, 9 holes *135°, 9 lỗ*	190	N/A
360408000	DHSI	135°, 10 holes *135°, 10 lỗ*	208	N/A
360409000	DHSI	135°, 11 holes *135°, 11 lỗ*	226	N/A
360410000	DHSI	135°, 12 holes *135°, 12 lỗ*	244	N/A
360501000	DHSI	130°, 3 holes *130°, 3 lỗ*	82	N/A
360502000	DHSI	130°, 4 holes *130°, 4 lỗ*	100	N/A
360503000	DHSI	130°, 5 holes *130°, 5 lỗ*	118	N/A
360504000	DHSI	130°, 6 holes *130°, 6 lỗ*	136	N/A
360505000	DHSI	130°, 7 holes *130°, 7 lỗ*	154	N/A
360506000	DHSI	130°, 8 holes *130°, 8 lỗ*	172	N/A
360507000	DHSI	130°, 9 holes *130°, 9 lỗ*	190	N/A
360508000	DHSI	130°, 10 holes *130°, 10 lỗ*	208	N/A
360509000	DHSI	130°, 11 holes *130°, 11 lỗ*	226	N/A
360510000	DHSI	130°, 12 holes *130°, 12 lỗ*	244	N/A

Angle Plates System – DHS
Hệ thống nẹp góc – DHS

Hollow Compression Screw (DHS Screw)
Vít động đầu trên xương đùi (Vít DHS)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	12.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	8.0mm
Pitch: *Bước ren:*	3.0mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	8.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
380101000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×50	N/A
380102000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×55	N/A
380103000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×60	N/A
380104000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×65	N/A
380105000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×70	N/A
380106000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×75	N/A
380107000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×80	N/A
380108000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×85	N/A
380109000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×90	N/A
380110000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×95	N/A
380111000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×100	N/A
380112000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×105	N/A
380113000	DHS	Self-tapping *(tự taro)*	Φ12.5×110	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

1.5mm Locking Screw

Vít khóa 1.5mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	1.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.0mm
Pitch: *Bước ren:*	0.6mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	2.3mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.1mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20200061	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×6	N/A
20200062	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×7	N/A
20200063	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×8	N/A
20200064	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×9	N/A
20200065	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×10	N/A
20200066	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×11	N/A
20200067	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×12	N/A
20200068	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×13	N/A
20200069	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×14	N/A
20200070	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×15	N/A
20200071	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×16	N/A
20200072	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×17	N/A
20200073	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×18	N/A
20200074	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×19	N/A
20200018	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×20	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

2.0mm Locking Screw

Vít khóa 2.0mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.5mm
Pitch: *Bước ren:*	0.7mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3929620006	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×6	N/A
3929620007	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×7	N/A
3929620008	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×8	N/A
3929620009	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×9	N/A
3929620010	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×10	N/A
3929620011	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×11	N/A
3929620012	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×12	N/A
3929620014	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×14	N/A
3929620016	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×16	N/A
3929620018	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×18	N/A
3929620020	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×20	N/A
3929620022	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×22	N/A
3929620024	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×24	N/A
3929620026	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×26	N/A
3929620028	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×28	N/A
3929620030	FSBT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×30	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

2.4mm Locking Screw

Vít khóa 2.4mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.4mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.8mm
Pitch: *Bước ren:*	0.7mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3930624006	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×6	N/A
3930624008	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×8	N/A
3930624010	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×10	N/A
3930624012	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×12	N/A
3930624014	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×14	N/A
3930624016	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×16	N/A
3930624018	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×18	N/A
3930624020	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×20	N/A
3930624022	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×22	N/A
3930624024	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×24	N/A
3930624026	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×26	N/A
3930624028	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×28	N/A
3930624030	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×30	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

2.4mm Locking Screw (Polyaxial)

Vít khóa 2.4mm (đa hướng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.4mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.85mm
Pitch: *Bước ren:*	0.7mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3933624006	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×6	N/A
3933624008	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×8	N/A
3933624010	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×10	N/A
3933624012	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×12	N/A
3933624014	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×14	N/A
3933624016	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×16	N/A
3933624018	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×18	N/A
3933624020	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×20	N/A
3933624022	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×22	N/A
3933624024	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×24	N/A
3933624026	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×26	N/A
3933624028	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×28	N/A
3933624030	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×30	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

2.7mm Locking Screw

Vít khóa 2.7mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.7mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.0mm
Pitch: *Bước ren:*	0.7mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.5mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3931627006	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×6	N/A
3931627008	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×8	N/A
3931627010	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×10	N/A
3931627012	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×12	N/A
3931627014	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×14	N/A
3931627016	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×16	N/A
3931627018	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×18	N/A
3931627020	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×20	N/A
3931627022	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×22	N/A
3931627024	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×24	N/A
3931627026	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×26	N/A
3931627028	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×28	N/A
3931627030	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×30	N/A
3931627035	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×35	N/A
3931627040	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×40	N/A
3931627045	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×45	N/A
3931627050	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×50	N/A
3931627055	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×55	N/A
3931627060	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×60	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

2.7mm Locking Screw (Polyaxial)

Vít khóa 2.7mm (đa hướng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.7mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.0mm
Pitch: *Bước ren:*	0.7mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.4mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3932027006	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×6	N/A
3932027008	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×8	N/A
3932027010	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×10	N/A
3932027012	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×12	N/A
3932027014	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×14	N/A
3932027016	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×16	N/A
3932027018	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×18	N/A
3932027020	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×20	N/A
3932027022	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×22	N/A
3932027024	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×24	N/A
3932027026	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×26	N/A
3932027028	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×28	N/A
3932027030	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×30	N/A
3932027035	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×35	N/A
3932027040	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×40	N/A
3932027045	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×45	N/A
3932027050	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×50	N/A
3932027055	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×55	N/A
3932027060	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×60	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

3.5mm Locking Screw

Vít khóa 3.5mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.8mm
Pitch: *Bước ren:*	0.8mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	4.8mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3934635010	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×10	N/A
3934635012	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×12	N/A
3934635014	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×14	N/A
3934635016	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×16	N/A
3934635018	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×18	N/A
3934635020	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×20	N/A
3934635022	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×22	N/A
3934635024	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×24	N/A
3934635026	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×26	N/A
3934635028	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×28	N/A
3934635030	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×30	N/A
3934635032	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×32	N/A
3934635034	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×34	N/A
3934635036	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×36	N/A
3934635038	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×38	N/A
3934635040	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×40	N/A
3934635042	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×42	N/A
3934635044	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×44	N/A
3934635046	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×46	N/A
3934635048	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×48	N/A
3934635050	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×50	N/A
3934635055	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×55	N/A
3934635060	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×60	N/A
3934635065	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×65	N/A
3934635070	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×70	N/A
3934635075	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×75	N/A
3934635080	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×80	N/A
3934635085	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×85	N/A
3934635090	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×80	N/A
3934635095	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×85	N/A
3934635100	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×100	N/A
3934635105	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×105	N/A
3934635110	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×110	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

3.5mm Locking Screw (Polyaxial)

Vít khóa 3.5mm (đa hướng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.8mm
Pitch: *Bước ren:*	0.8mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	4.8mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.8mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3924035010	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×10	N/A
3924035012	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×12	N/A
3924035014	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×14	N/A
3924035016	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×16	N/A
3924035018	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×18	N/A
3924035020	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×20	N/A
3924035022	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×22	N/A
3924035024	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×24	N/A
3924035026	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×26	N/A
3924035028	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×28	N/A
3924035030	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×30	N/A
3924035032	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×32	N/A
3924035034	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×34	N/A
3924035036	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×36	N/A
3924035038	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×38	N/A
3924035040	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×40	N/A
3924035042	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×42	N/A
3924035044	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×44	N/A
3924035046	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×46	N/A
3924035048	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×48	N/A
3924035050	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×50	N/A
3924035055	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×55	N/A
3924035060	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×60	N/A
3924035065	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×65	N/A
3924035070	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×70	N/A
3924035075	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×75	N/A
3924035080	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×80	N/A
3924035085	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×85	N/A
3924035090	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×90	N/A
3924035095	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×95	N/A
3924035100	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×100	N/A
3924035105	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×105	N/A
3924035110	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×110	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

3.5mm Locking Screw (Flat Head)

Vít khóa 3.5mm (đầu dẹp)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.3mm
Pitch: *Bước ren:*	0.8mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	5.1mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3938035012	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×12	N/A
3938035014	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×14	N/A
3938035016	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×16	N/A
3938035018	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×18	N/A
3938035020	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×20	N/A
3938035022	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×22	N/A
3938035024	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×24	N/A
3938035026	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×26	N/A
3938035028	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×28	N/A
3938035030	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×30	N/A
3938035032	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×32	N/A
3938035034	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×34	N/A
3938035036	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×36	N/A
3938035038	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×38	N/A
3938035040	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×40	N/A
3938035045	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×45	N/A
3938035050	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×50	N/A
3938035055	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×55	N/A
3938035060	FSDS24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×60	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

5.0mm Locking Screw

Vít khóa 5.0mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	5.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	4.2mm
Pitch: *Bước ren:*	1.0mm
Head Dia *Đường kính đầu vít:*	6.7mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	4.3mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3935650010	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×10	N/A
3935650012	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×12	N/A
3935650014	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×14	N/A
3935650016	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×16	N/A
3935650018	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×18	N/A
3935650020	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×20	N/A
3935650022	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×22	N/A
3935650024	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×24	N/A
3935650026	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×26	N/A
3935650028	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×28	N/A
3935650030	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×30	N/A
3935650032	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×32	N/A
3935650034	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×34	N/A
3935650036	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×36	N/A
3935650038	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×38	N/A
3935650040	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×40	N/A
3935650042	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×42	N/A
3935650044	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×44	N/A
3935650046	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×46	N/A
3935650048	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×48	N/A
3935650050	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×50	N/A
3935650055	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×55	N/A
3935650060	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×60	N/A
3935650065	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×65	N/A
3935650070	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×70	N/A
3935650075	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×75	N/A
3935650080	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×80	N/A
3935650085	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×85	N/A
3935650090	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×90	N/A
3935650095	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×95	N/A
3935650100	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×100	N/A
3935650105	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×105	N/A
3935650110	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×110	N/A
3935650115	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×115	N/A
3935650120	FSDT24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×120	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

5.0mm Locking Screw (Polyaxial)

Vít khóa 5.0mm (đa hướng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	5.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	4.2mm
Pitch: *Bước ren:*	1.0mm
Head Dia *Đường kính đầu vít:*	6.7mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	4.3mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3902350012	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×12	N/A
3902350014	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×14	N/A
390201000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×16	N/A
390202000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×18	N/A
390203000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×20	N/A
390204000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×22	N/A
390205000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×24	N/A
390206000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×26	N/A
390207000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×28	N/A
390208000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×30	N/A
390209000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×32	N/A
390210000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×34	N/A
390211000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×36	N/A
390212000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×38	N/A
390213000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×40	N/A
390214000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×42	N/A
390215000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×44	N/A
390216000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×46	N/A
390217000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×48	N/A
390218000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×50	N/A
390219000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×55	N/A
390220000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×60	N/A
390221000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×65	N/A
390222000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×70	N/A
390223000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×75	N/A
390224000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×80	N/A
390225000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×85	N/A
390226000	FSDr24	Self-tapping *(tự taro)*	Φ5.0×90	N/A

Locking Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

Hệ thống vít khóa 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/5.0/6.5

6.5mm Locking Screw

Vít khóa 6.5mm

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	6.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	5.0mm
Pitch: *Bước ren:*	2.0mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.9mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	Outer: Φ5.0; Inner: Φ2.5 *Bên ngoài: Φ5.0; Bên trong: Φ2.5*

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3928665050	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×50	N/A
20200641	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×55	N/A
20200642	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×60	N/A
20200643	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×65	N/A
20200644	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×70	N/A
20200645	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×75	N/A
20200646	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×80	N/A
20200647	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×85	N/A
20200648	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×90	N/A
20200649	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×95	N/A
20200650	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×100	N/A
20200651	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×105	N/A
3928665110	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×110	N/A
3928665115	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×115	N/A
3928665120	FKBT23	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×120	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

1.5mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 1.5mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	1.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.0mm
Pitch: *Bước ren:*	0.6mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.1mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20100252	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×6	N/A
20100253	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×7	N/A
20100254	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×8	N/A
20100255	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×9	N/A
20100256	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×10	N/A
20100257	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×11	N/A
20100258	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×12	N/A
20100259	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×13	N/A
20100247	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×14	N/A
20100248	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×15	N/A
20100260	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×16	N/A
20100051	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×17	N/A
20100052	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×18	N/A
20100053	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×19	N/A
20100024	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×20	N/A
201000222	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×22	N/A
201000224	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×24	N/A
201000226	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×26	N/A
201000228	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×28	N/A
201000230	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ1.5×30	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

2.0mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 2.0mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.4mm
Pitch: *Bước ren:*	0.8mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	2.8mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3535620006	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×6	N/A
3535620008	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×8	N/A
3535620010	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×10	N/A
3535620012	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×12	N/A
3535620014	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×14	N/A
3535620016	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×16	N/A
3535620018	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×18	N/A
3535620020	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×20	N/A
3535620022	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×22	N/A
3535620024	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×24	N/A
3535620026	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×26	N/A
3535620028	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×28	N/A
3535620030	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.0×30	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

2.4mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 2.4mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.4mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.7mm
Pitch: *Bước ren:*	1.0mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
350901000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×6	N/A
350902000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×8	N/A
350903000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×10	N/A
350904000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×12	N/A
350905000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×14	N/A
350906000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×16	N/A
350907000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×18	N/A
350908000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×20	N/A
350909000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×22	N/A
350910000	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.4×24	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

2.7mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 2.7mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.7mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.8mm
Pitch: *Bước ren:*	1.0mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	5.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3925627006	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×6	N/A
3925627008	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×8	N/A
3925627010	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×10	N/A
3925627012	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×12	N/A
3925627014	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×14	N/A
3925627016	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×16	N/A
3925627018	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×18	N/A
3925627020	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×20	N/A
3925627022	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×22	N/A
3925627024	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×24	N/A
3925627026	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×26	N/A
3925627028	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×28	N/A
3925627030	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×30	N/A
3925627032	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×32	N/A
3925627034	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×34	N/A
3925627036	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×36	N/A
3925627038	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×38	N/A
3925627040	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×40	N/A
3925627042	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×42	N/A
3925627044	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×44	N/A
3925627046	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×46	N/A
3925627048	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×48	N/A
3925627050	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ2.7×50	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

3.5mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 3.5mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.4mm
Pitch: *Bước ren:*	1.25mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3538635010	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×10	N/A
3538635012	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×12	N/A
3538635014	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×14	N/A
3538635016	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×16	N/A
3538635018	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×18	N/A
3538635020	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×20	N/A
3538635022	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×22	N/A
3538635024	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×24	N/A
3538635026	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×26	N/A
3538635028	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×28	N/A
3538635030	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×30	N/A
3538635032	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×32	N/A
3538635034	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×34	N/A
3538635036	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×36	N/A
3538635038	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×38	N/A
3538635040	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×40	N/A
3538635042	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×42	N/A
3538635044	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×44	N/A
3538635046	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×46	N/A
3538635048	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×48	N/A
3538635050	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×50	N/A
3538635055	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×55	N/A
3538635060	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×60	N/A
3538635065	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×65	N/A
3538635070	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×70	N/A
3538635075	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×75	N/A
3942635080	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×80	N/A
3942635085	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×85	N/A
3942635090	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×90	N/A
3942635095	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×95	N/A
3842635100	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×100	N/A
3842635105	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×105	N/A
3842635110	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ3.5×110	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

4.0mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 4.0mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.4mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3540640012	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×12	N/A
3540640014	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×14	N/A
3540640016	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×16	N/A
3540640018	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×18	N/A
3540640020	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×20	N/A
3540640022	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×22	N/A
3540640024	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×24	N/A
3540640026	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×26	N/A
3540640028	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×28	N/A
3540640030	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×30	N/A
3540640032	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×32	N/A
3540640034	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×34	N/A
3540640036	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×36	N/A
3540640038	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×38	N/A
3540640040	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×40	N/A
3540640042	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×42	N/A
3540640044	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×44	N/A
3540640046	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×46	N/A
3540640048	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×48	N/A
3540640050	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×50	N/A
3540640055	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×55	N/A
3540640060	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.0×60	N/A

Titanium Bone Screw System 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

Hệ thống vít xương titanium 1.5/2.0/2.4/2.7/3.5/4.0/4.5

4.5mm Titanium Bone Screw (Cortical Screw)

Vít xương titanium 4.5mm (Vít xương cứng)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.4mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	3.2mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3539645010	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×10	N/A
3539645012	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×12	N/A
3539645014	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×14	N/A
3539645016	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×16	N/A
3539645018	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×18	N/A
3539645020	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×20	N/A
3539645022	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×22	N/A
3539645024	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×24	N/A
3539645026	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×26	N/A
3539645028	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×28	N/A
3539645030	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×30	N/A
3539645032	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×32	N/A
3539645034	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×34	N/A
3539645036	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×36	N/A
3539645038	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×38	N/A
3539645040	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×40	N/A
3539645042	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×42	N/A
3539645044	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×44	N/A
3539645046	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×46	N/A
3539645048	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×48	N/A
3539645050	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×50	N/A
3539645052	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×52	N/A
3539645054	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×54	N/A
3539645056	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×56	N/A
3539645058	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×58	N/A
3539645060	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×60	N/A
3539645062	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×62	N/A
3539645064	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×64	N/A
3539645066	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×66	N/A
3539645068	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×68	N/A
3539645070	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×70	N/A
3539645075	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×75	N/A
3539645080	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×80	N/A
3539645085	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×85	N/A
3539645090	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×90	N/A
3539645095	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×95	N/A
3539645100	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×100	N/A
3539645105	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×105	N/A
3539645110	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×110	N/A
3539645115	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×115	N/A
3539645120	HAQ03	Self-tapping *(tự taro)*	Φ4.5×120	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5

Hệ thống vít xương titanium 4.0/6.5

4.0mm Titanium Bone Screw (Cancellous Screws)

Vít xương titanium 4.0mm (Vít xương xốp)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.4mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3543640014	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×14	N/A
3543640016	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×16	N/A
3543640018	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×18	N/A
3543640020	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×20	N/A
3543640022	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×22	N/A
3543640024	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×24	N/A
3543640026	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×26	N/A
3543640028	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×28	N/A
3543640030	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×30	N/A
3543640032	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×32	N/A
3543640034	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×34	N/A
3543640036	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×36	N/A
3543640038	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×38	N/A
3543640040	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×40	N/A
3543640042	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×42	N/A
3543640045	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×45	N/A
3543640050	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×50	N/A
3543640055	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×55	N/A
3543640060	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ4.0×60	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5

Hệ thống vít xương titanium 4.0/6.5

4.0mm Titanium Bone Screw (Cancellous Screws)

Vít xương titanium 4.0mm (Vít xương xốp)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.4mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3540640012	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×12	N/A
3540640014	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×14	N/A
3540640016	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×16	N/A
3540640018	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×18	N/A
3540640020	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×20	N/A
3540640022	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×22	N/A
3540640024	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×24	N/A
3540640026	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×26	N/A
3540640028	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×28	N/A
3540640030	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×30	N/A
3540640032	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×32	N/A
3540640034	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×34	N/A
3540640036	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×36	N/A
3540640038	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×38	N/A
3540640040	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×40	N/A
3540640042	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×42	N/A
3540640044	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×44	N/A
3540640046	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×46	N/A
3540640048	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×48	N/A
3540640050	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×50	N/A
3540640055	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×55	N/A
3540640060	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ4.0×60	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5

Hệ thống vít xương titanium 4.0/6.5

6.5mm Titanium Bone Screw (Cancellous Screws)

Vít xương titanium 6.5mm (Vít xương xốp)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	6.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	5.0mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	5.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3542616050	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×50	N/A
3542616055	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×55	N/A
3542616060	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×60	N/A
3542616065	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×65	N/A
3542616070	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×70	N/A
3542616075	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×75	N/A
3542616080	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×80	N/A
3542632055	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×55	N/A
3542632060	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×60	N/A
3542632065	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×65	N/A
3542632070	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×70	N/A
3542632075	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×75	N/A
3542632080	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×80	N/A
3542632085	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×85	N/A
3542632090	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×90	N/A
3542632095	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×95	N/A
3542632100	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×100	N/A
3542632105	HBQ03	Half Threaded, Self-tapping *Một phần ren, tự taro*	Φ6.5×105	N/A

Titanium Bone Screw System 4.0/6.5

Hệ thống vít xương titanium 4.0/6.5

6.5mm Titanium Bone Screw (Cancellous Screws)

Vít xương titanium 6.5mm (Vít xương xốp)

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	6.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	5.0mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	5.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3541665025	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×25	N/A
3541665030	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×30	N/A
3541665035	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×35	N/A
3541665040	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×40	N/A
3541665045	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×45	N/A
3541665050	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×50	N/A
3541665055	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×55	N/A
3541665060	HBQ03	Fully Threaded, Self-tapping *Toàn ren, tự taro*	Φ6.5×60	N/A

UHC Screw System
Hệ thống vít UHC

3.5mm UHC Cannulated Screw
Vít xốp rỗng nòng 3.5mm - UHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.5mm
Pitch: *Bước ren:*	1.25mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	5.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	2.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
310101000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×20	N/A
310102000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×22	N/A
310103000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×24	N/A
310104000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×26	N/A
310105000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×28	N/A
310106000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×30	N/A
310107000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×32	N/A
310108000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×34	N/A
310109000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×36	N/A
310110000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×38	N/A
310111000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×40	N/A
310112000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×42	N/A
310113000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×44	N/A
310114000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×46	N/A
310115000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×48	N/A
310116000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×50	N/A

UHC Screw System
Hệ thống vít UHC

4.0mm UHC Cannulated Screw
Vít xốp rỗng nòng 4.0mm - UHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	3.0mm
Pitch: *Bước ren:*	1.5mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.2mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
310408000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×20	N/A
310409000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×22	N/A
310410000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×24	N/A
310411000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×26	N/A
310412000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×28	N/A
310401000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×30	N/A
310413000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×32	N/A
310414000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×34	N/A
310415000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×36	N/A
310416000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×38	N/A
310403000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×40	N/A
310417000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×42	N/A
310418000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×44	N/A
310419000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×46	N/A
310420000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×48	N/A
310405000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×50	N/A
310406000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×55	N/A
310407000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×60	N/A

UHC Screw System
Hệ thống vít UHC

4.5mm UHC Cannulated Screw
Vít xốp rỗng nòng 4.5mm - UHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	3.2mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
310201000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×20	N/A
310202000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×22	N/A
310203000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×24	N/A
310204000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×26	N/A
310205000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×28	N/A
310206000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×30	N/A
310207000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×32	N/A
310208000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×34	N/A
310209000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×36	N/A
310210000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×38	N/A
310211000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×40	N/A
310212000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×42	N/A
310213000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×44	N/A
310214000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×46	N/A
310215000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×48	N/A
310216000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×50	N/A
310217000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×52	N/A
310218000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×54	N/A
310219000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×56	N/A
310221000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×58	N/A
310220000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×60	N/A

UHC Screw System
Hệ thống vít UHC

7.3mm UHC Cannulated Screw
Vít xốp rỗng nòng 7.3mm - UHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	7.3mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	5.0mm
Pitch: *Bước ren:*	2.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	5.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
310301000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×35	N/A
310302000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×40	N/A
310303000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×45	N/A
310304000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×50	N/A
310305000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×55	N/A
310317000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×60	N/A
310318000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×65	N/A
310319000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×70	N/A
310320000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×75	N/A
310321000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×80	N/A
310322000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×85	N/A
310323000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×90	N/A
310324000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×95	N/A
310325000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×100	N/A
310326000	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×105	N/A
20600117	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×110	N/A
20600118	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×115	N/A
20600119	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×120	N/A
20600120	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×125	N/A
20600121	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×130	N/A
20600122	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×135	N/A
20600123	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×140	N/A
20600124	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×145	N/A
20600125	FD-I01	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ7.3×150	N/A

UHC Screw System
Hệ thống vít UHC

Washer
Long đền

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3543640001	FWP 01	Φ3.0	N/A	N/A
3544640001	FWP 01	Φ4.0	N/A	N/A
3545640001	FWP 01	Φ4.5	N/A	N/A
3547750001	FWP 01	Φ7.3	N/A	N/A

DHC Screw System
Hệ thống vít DHC

2.4mm DHC Cannulated Screw
Vít rỗng nòng không đầu 2.4mm - DHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.4mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.0mm
Pitch: *Bước ren:*	1.2mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.25mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.9mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3116624009	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×9	N/A
3116624010	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×10	N/A
3116624011	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×11	N/A
3116624012	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×12	N/A
3116624013	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×13	N/A
3116624014	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×14	N/A
3116624015	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×15	N/A
3116624016	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×16	N/A
3116624018	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×18	N/A
3116624020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×20	N/A
3116624022	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×22	N/A
3116624024	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×24	N/A
3116624026	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×26	N/A
3116624028	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×28	N/A
3116624030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.4×30	N/A

DHC Screw System
Hệ thống vít DHC

3.0mm DHC Cannulated Screw
Vít rỗng nòng không đầu 3.0mm - DHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	2.4mm
Pitch: *Bước ren:*	1.25mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	3.5mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
311307000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×10	N/A
311308000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×12	N/A
311309000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×14	N/A
311301000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×16	N/A
311302000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×18	N/A
311303000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×20	N/A
311304000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×22	N/A
311305000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×24	N/A
311310000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×26	N/A
311311000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×28	N/A
311312000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×30	N/A
311313000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×32	N/A
311314000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×34	N/A
311315000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×36	N/A
311316000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.0×38	N/A

DHC Screw System
Hệ thống vít DHC

4.5mm DHC Cannulated Screw
Vít rỗng nòng không đầu 4.5mm - DHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	3.0mm
Pitch: *Bước ren:*	1.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	5.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.6mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
311017000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×25	N/A
311018000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×30	N/A
311019000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×35	N/A
311020000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×40	N/A
311021000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×45	N/A
311022000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×50	N/A
311023000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×55	N/A
311024000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×60	N/A
311025000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×65	N/A
311026000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×70	N/A
311027000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×75	N/A
311028000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×80	N/A
311029000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×85	N/A
311030000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×90	N/A
311031000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×95	N/A
311032000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.5×100	N/A

DHC Screw System
Hệ thống vít DHC

6.5mm DHC Cannulated Screw
Vít rỗng nòng không đầu 6.5mm - DHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	6.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	4.5mm
Pitch: *Bước ren:*	2.75mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	8.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	4.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
311117000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×25	N/A
311118000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×30	N/A
311119000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×35	N/A
311120000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×40	N/A
311121000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×45	N/A
311122000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×50	N/A
311123000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×55	N/A
311124000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×60	N/A
311125000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×65	N/A
311126000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×70	N/A
311127000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×75	N/A
311128000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×80	N/A
311129000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×85	N/A
311130000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×90	N/A
311131000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×95	N/A
311132000	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ6.5×100	N/A

LHC Screw System
Hệ thống vít LHC

2.5mm LHC Cannulated Screw
Vít rỗng nén ép không đầu 2.5mm - LHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	2.4 - 2.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	1.7mm
Pitch: *Bước ren:*	0.6 - 0.8mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	2.5mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	0.88mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3112625008	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×8	N/A
3112625010	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×10	N/A
3112625011	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×11	N/A
3112625012	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×12	N/A
3112625013	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×13	N/A
3112625014	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×14	N/A
3112625016	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×16	N/A
3112625018	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×18	N/A
3112625020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×20	N/A
3112625022	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×22	N/A
3112625024	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×24	N/A
3112625026	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×26	N/A
3112625028	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×28	N/A
3112625030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ2.5×30	N/A

LHC Screw System
Hệ thống vít LHC

3.5mm LHC Cannulated Screw
Vít rỗng nén ép không đầu 3.5mm - LHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	3.5mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	3.0mm
Pitch: *Bước ren:*	1 - 1.33mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	5.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.1mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3112635016	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×16	N/A
3112635018	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×18	N/A
3112635020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×20	N/A
3112635022	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×22	N/A
3112635024	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×24	N/A
3112635026	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×26	N/A
3112635028	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×28	N/A
3112635030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×30	N/A
3112635032	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×32	N/A
3112635034	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×34	N/A
3112635036	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×36	N/A
3112635038	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×38	N/A
3112635040	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×40	N/A
3112635042	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×42	N/A
3112635044	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×44	N/A
3112635046	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×46	N/A
3112635048	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×48	N/A
3112635050	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ3.5×50	N/A

LHC Screw System
Hệ thống vít LHC

4.0mm LHC Cannulated Screw
Vít rỗng nén ép không đầu 4.0mm - LHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	4.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	3.8mm
Pitch: *Bước ren:*	1.2 - 1.6mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	5.5mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.2mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3113640020	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×20	N/A
3113640025	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×25	N/A
3113640030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×30	N/A
3113640035	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×35	N/A
3113640040	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×40	N/A
3113640045	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×45	N/A
3113640050	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×50	N/A
3113640055	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×55	N/A
3113640060	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ4.0×60	N/A

LHC Screw System
Hệ thống vít LHC

5.0mm LHC Cannulated Screw
Vít rỗng nén ép không đầu 5.0mm - LHC

Remarks *Mô tả*	
Material: *Chất liệu:*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia: *Đường kính thân vít:*	5.0mm
Core Dia: *Đường kính lõi vít:*	3.5mm
Pitch: *Bước ren:*	1.6 - 2.0mm
Head Dia: *Đường kính đầu vít:*	6.0mm
Drill Bit: *Mũi khoan:*	1.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
3114650030	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×30	N/A
3114650035	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×35	N/A
3114650040	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×40	N/A
3114650045	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×45	N/A
3114650050	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×50	N/A
3114650055	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×55	N/A
3114650060	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×60	N/A
3114650065	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×65	N/A
3114650070	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×70	N/A
3114650075	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×75	N/A
3114650080	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×80	N/A
3114650085	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×85	N/A
3114650090	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×90	N/A
3114650095	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×95	N/A
3114650100	FD-II 02	Cannulated, Self-tapping *Rỗng nòng, tự taro*	Φ5.0×100	N/A

Intramedullary Nail
Đinh nội tủy nhi

Intramedullary Nail II
Đinh nội tủy nhi - II

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) *(Đường kính):*	1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4301615300	FDK02	φ1.5×300	300	N/A
4301620440	FDK02	φ2.0×440	440	N/A
4301625440	FDK02	φ2.5×440	440	N/A
4301630440	FDK02	φ3.0×440	440	N/A
4301635440	FDK02	φ3.5×440	440	N/A
4301640440	FDK02	φ4.0×440	440	N/A

Stabilizing Bolt
Nắp đinh nhi

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
4302600025	FWSEQB01	φ2.5	21.5	N/A
4303600040	FWSEQB01	φ4.0	21.5	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA

PFNA (Short Femoral Intramedullary Nail)
PFNA (Đinh nội tủy đầu trên xương đùi chống xoay ngắn)

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia. (mm): *(Đường kính đầu đinh):*	16mm
CDD:	4.5mm
Entry point *(Điểm vào):*	Greater trochanter *Mấu chuyển lớn*
Body *(Thân đinh):*	Hollow *Rỗng*
Top holes *(Lỗ đầu gần):*	1
Bottom holes *(Lỗ đầu xa):*	1

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700461	FDK04	Φ9×170	170	N/A
20700462	FDK04	Φ9×200	200	N/A
20700463	FDK04	Φ9×240	240	N/A
20700452	FDK04	Φ10×170	170	N/A
20700453	FDK04	Φ10×200	200	N/A
20700454	FDK04	Φ10×240	240	N/A
20700455	FDK04	Φ11×170	170	N/A
20700456	FDK04	Φ11×200	200	N/A
20700457	FDK04	Φ11×240	240	N/A
20700458	FDK04	Φ12×170	170	N/A
20700459	FDK04	Φ12×200	200	N/A
20700460	FDK04	Φ12×240	240	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi PFNA

PFNA (Long Femoral Intramedullary Nail)

PFNA (Đinh nội tủy đầu trên xương đùi chống xoay dài)

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia. (mm): *(Đường kính đầu đinh):*	16mm
CDD:	4.5mm
Entry point *(Điểm vào):*	Greater trochanter *(Mấu chuyển lớn)*
Body *(Thân đinh):*	Hollow *(Rỗng)*
Top holes *(Lỗ đầu gần):*	1
Bottom holes *(Lỗ đầu xa):*	2

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700396	FDK04	Left, Φ9×300 *(Φ9×300, trái)*	300	N/A
20700408	FDK04	Right, Φ9×300 *(Φ9×300, phải)*	300	N/A
20700420	FDK04	Left, Φ9×320 *(Φ9×320, trái)*	320	N/A
20700436	FDK04	Right, Φ9×320 *(Φ9×320, phải)*	320	N/A
20700397	FDK04	Left, Φ9×340 *(Φ9×340, trái)*	340	N/A
20700409	FDK04	Right, Φ9×340 *(Φ9×340, phải)*	340	N/A
20700421	FDK04	Left, Φ9×360 *(Φ9×360, trái)*	360	N/A
20700437	FDK04	Right, Φ9×360 *(Φ9×360, phải)*	360	N/A
20700398	FDK04	Left, Φ9×380 *(Φ9×380, trái)*	380	N/A
20700410	FDK04	Right, Φ9×380 *(Φ9×380, phải)*	380	N/A
20700422	FDK04	Left, Φ9×400 *(Φ9×400, trái)*	400	N/A
20700438	FDK04	Right, Φ9×400 *(Φ9×400, phải)*	400	N/A
20700399	FDK04	Left, Φ9×420 *(Φ9×420, trái)*	420	N/A
20700411	FDK04	Right, Φ9×420 *(Φ9×420, phải)*	420	N/A
20700400	FDK04	Left, Φ10×300 *(Φ10×300, trái)*	300	N/A
20700412	FDK04	Right, Φ10×300 *(Φ10×300, phải)*	300	N/A
20700423	FDK04	Left, Φ10×320 *(Φ10×320, trái)*	320	N/A
20700439	FDK04	Right, Φ10×320 *(Φ10×320, phải)*	320	N/A
20700401	FDK04	Left, Φ10×340 *(Φ10×340, trái)*	340	N/A
20700413	FDK04	Right Φ10×340 *(Φ10×340, phải)*	340	N/A
20700424	FDK04	Left, Φ10×360 *(Φ10×360, trái)*	360	N/A
20700440	FDK04	Right, Φ10×360 *(Φ10×360, phải)*	360	N/A
20700402	FDK04	Left, Φ10×380 *(Φ10×380, trái)*	380	N/A
20700414	FDK04	Right, Φ10×380 *(Φ10×380, phải)*	380	N/A
20700425	FDK04	Left, Φ10×400 *(Φ10×400, trái)*	400	N/A
20700441	FDK04	Right, Φ10×400 *(Φ10×400, phải)*	400	N/A
20700403	FDK04	Left, Φ10×420 *(Φ10×420, trái)*	420	N/A
20700415	FDK04	Right, Φ10×420 *(Φ10×420, phải)*	420	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi PFNA

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700404	FDK04	Left, Φ11×300 *(Φ11×300, trái)*	300	N/A
20700416	FDK04	Right, Φ11×300 *(Φ11×300, phải)*	300	N/A
20700426	FDK04	Left, Φ11×320 *(Φ11×320, trái)*	320	N/A
20700442	FDK04	Right, Φ11×320 *(Φ11×320, phải)*	320	N/A
20700405	FDK04	Left, Φ11×340 *(Φ11×340, trái)*	340	N/A
20700417	FDK04	Right, Φ11×340 *(Φ11×340, phải)*	340	N/A
20700427	FDK04	Left, Φ11×360 *(Φ11×360, trái)*	360	N/A
20700443	FDK04	Right, Φ11×360 *(Φ11×360, phải)*	360	N/A
20700406	FDK04	Left, Φ11×380 *(Φ11×380, trái)*	380	N/A
20700418	FDK04	Right, Φ11×380 *(Φ11×380, phải)*	380	N/A
20700428	FDK04	Left, Φ11×400 *(Φ11×400, trái)*	400	N/A
20700444	FDK04	Right, Φ11×400 *(Φ11×400, phải)*	400	N/A
20700407	FDK04	Left, Φ11×420 *(Φ11×420, trái)*	420	N/A
20700419	FDK04	Right, Φ11×420 *(Φ11×420, phải)*	420	N/A
20700429	FDK04	Left, Φ12×300 *(Φ12×300, trái)*	300	N/A
20700445	FDK04	Right, Φ12×300 *(Φ12×300, phải)*	300	N/A
20700430	FDK04	Left, Φ12×320 *(Φ12×320, trái)*	320	N/A
20700446	FDK04	Right, Φ12×320 *(Φ12×320, phải)*	320	N/A
20700431	FDK04	Left, Φ12×340 *(Φ12×340, trái)*	340	N/A
20700447	FDK04	Right, Φ12×340 *(Φ12×340, phải)*	340	N/A
20700432	FDK04	Left, Φ12×360 *(Φ12×360, trái)*	360	N/A
20700448	FDK04	Right, Φ12×360 *(Φ12×360, phải)*	360	N/A
20700433	FDK04	Left, Φ12×380 *(Φ12×380, trái)*	380	N/A
20700449	FDK04	Right, Φ12×380 *(Φ12×380, phải)*	380	N/A
20700434	FDK04	Left, Φ12×400 *(Φ12×400, trái)*	400	N/A
20700450	FDK04	Right, Φ12×400 *(Φ12×400, phải)*	400	N/A
20700435	FDK04	Left, Φ12×420 *(Φ12×420, trái)*	420	N/A
20700451	FDK04	Right, Φ12×420 *(Φ12×420, phải)*	420	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA

Anti Rotation Compression Nail II
Lưỡi đinh chống xoay - II

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) *(Đường kính):*	10mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700464	FKX02	Φ10×70	70	N/A
20700465	FKX02	Φ10×75	75	N/A
20700466	FKX02	Φ10×80	80	N/A
20700467	FKX02	Φ10×85	85	N/A
20700468	FKX02	Φ10×90	90	N/A
20700469	FKX02	Φ10×95	95	N/A
20700470	FKX02	Φ10×100	100	N/A
20700471	FKX02	Φ10×105	105	N/A
20700472	FKX02	Φ10×110	110	N/A
20700473	FKX02	Φ10×115	115	N/A
20700474	FKX02	Φ10×120	120	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi PFNA

5.0mm Interlocking Screw III

Vít chốt khóa 5.0mm - III

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia *(Đường kính thân vít):*	5.0mm
Core Dia *(Đường kính lõi vít):*	3.9mm
Pitch *(Bước ren):*	1.75mm
Head Dia *(Đường kính đầu vít):*	8.0mm
Drill Bit *(Mũi khoan):*	4.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700507	FJS03	Φ5.0 × 26	26	N/A
20700508	FJS03	Φ5.0 × 28	28	N/A
20700509	FJS03	Φ5.0 × 30	30	N/A
20700510	FJS03	Φ5.0 × 32	32	N/A
20700511	FJS03	Φ5.0 × 34	34	N/A
20700512	FJS03	Φ5.0 × 36	36	N/A
20700513	FJS03	Φ5.0 × 38	38	N/A
20700514	FJS03	Φ5.0 × 40	40	N/A
20700515	FJS03	Φ5.0 × 42	42	N/A
20700516	FJS03	Φ5.0 × 44	44	N/A
20700517	FJS03	Φ5.0 × 46	46	N/A
20700518	FJS03	Φ5.0 × 48	48	N/A
20700519	FJS03	Φ5.0 × 50	50	N/A
20700520	FJS03	Φ5.0 × 52	52	N/A
20700521	FJS03	Φ5.0 × 54	54	N/A
20700522	FJS03	Φ5.0 × 56	56	N/A
20700523	FJS03	Φ5.0 × 58	58	N/A
20700524	FJS03	Φ5.0 × 60	60	N/A
20700525	FJS03	Φ5.0 × 62	62	N/A
20700526	FJS03	Φ5.0 × 64	64	N/A
20700527	FJS03	Φ5.0 × 66	66	N/A
20700528	FJS03	Φ5.0 × 68	68	N/A
20700529	FJS03	Φ5.0 × 70	70	N/A
20700530	FJS03	Φ5.0 × 72	72	N/A
20700531	FJS03	Φ5.0 × 74	74	N/A
20700532	FJS03	Φ5.0 × 76	76	N/A
20700533	FJS03	Φ5.0 × 78	78	N/A
20700534	FJS03	Φ5.0 × 80	80	N/A
20700535	FJS03	Φ5.0 × 85	85	N/A
20700536	FJS03	Φ5.0 × 90	90	N/A
20700537	FJS03	Φ5.0 × 95	95	N/A
20700538	FJS03	Φ5.0 × 100	100	N/A

PFNA Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi PFNA

Locking Head I
Nắp đinh - I

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) *(Đường kính):*	6.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700540	FSTQQB01	0, Φ6.0 × 28.5	28.5	N/A
20700541	FSTQQB01	5, Φ6.0 × 33.5	33.5	N/A
20700542	FSTQQB01	10, Φ6.0 × 38.5	38.5	N/A
20700543	FSTQQB01	15, Φ6.0 × 43.5	43.5	N/A

Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi

ASF Intramedullary Nail (Femoral Intramedullary Nail)
Đinh nội tủy ASF (Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi)

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia.(mm) *(Đường kính đầu đinh):*	13mm
CDD:	3.5mm
Entry point *(Điểm vào):*	Greater trochanter *(Mấu chuyển lớn)*
Body *(Thân đinh):*	Hollow *(Rỗng)*
Top holes *(Lỗ đầu gần):*	4
Bottom holes *(Lỗ đầu xa):*	3

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700669	FDK08	Left, Φ9×300 *(Φ9×300, trái)*	300	N/A
20700670	FDK08	Left, Φ9×320 *(Φ9×320, trái)*	320	N/A
20700671	FDK08	Left, Φ9×340 *(Φ9×340, trái)*	340	N/A
20700672	FDK08	Left, Φ9×360 *(Φ9×360, trái)*	360	N/A
20700673	FDK08	Left, Φ9×380 *(Φ9×380, trái)*	380	N/A
20700674	FDK08	Left, Φ9×400 *(Φ9×400, trái)*	400	N/A
20700675	FDK08	Left, Φ9×420 *(Φ9×420, trái)*	420	N/A
20700676	FDK08	Left, Φ9×440 *(Φ9×440, trái)*	440	N/A
20700677	FDK08	Left, Φ9×460 *(Φ9×460, trái)*	460	N/A
20700678	FDK08	Right, Φ9×300 *(Φ9×300, phải)*	300	N/A
20700679	FDK08	Right, Φ9×320 *(Φ9×320, phải)*	320	N/A
20700680	FDK08	Right, Φ9×340 *(Φ9×340, phải)*	340	N/A
20700681	FDK08	Right, Φ9×360 *(Φ9×360, phải)*	360	N/A
20700682	FDK08	Right, Φ9×380 *(Φ9×380, phải)*	380	N/A
20700683	FDK08	Right, Φ9×400 *(Φ9×400, phải)*	400	N/A
20700684	FDK08	Right, Φ9×420 *(Φ9×420, phải)*	420	N/A
20700685	FDK08	Right, Φ9×440 *(Φ9×440, phải)*	440	N/A
20700686	FDK08	Right, Φ9×460 *(Φ9×440, phải)*	460	N/A
20700687	FDK08	Left, Φ10×300 *(Φ10×300, trái)*	300	N/A
20700688	FDK08	Left, Φ10×320 *(Φ10×320, trái)*	320	N/A
20700689	FDK08	Left, Φ10×340 *(Φ10×340, trái)*	340	N/A
20700690	FDK08	Left, Φ10×360 *(Φ10×360, trái)*	360	N/A
20700691	FDK08	Left, Φ10×380 *(Φ10×380, trái)*	380	N/A
20700692	FDK08	Left, Φ10×400 *(Φ10×400, trái)*	400	N/A
20700693	FDK08	Left, Φ10×420 *(Φ10×420, trái)*	420	N/A
20700694	FDK08	Left, Φ10×440 *(Φ10×440, trái)*	440	N/A
20700695	FDK08	Left, Φ10×460 *(Φ10×460, trái)*	460	N/A
20700696	FDK08	Right, Φ10×300 *(Φ10×300, phải)*	300	N/A
20700697	FDK08	Right, Φ10×320 *(Φ10×320, phải)*	320	N/A
20700698	FDK08	Right, Φ10×340 *(Φ10×340, phải)*	340	N/A
20700699	FDK08	Right, Φ10×360 *(Φ10×360, phải)*	360	N/A
20700700	FDK08	Right, Φ10×380 *(Φ10×380, phải)*	380	N/A
20700701	FDK08	Right, Φ10×400 *(Φ10×400, phải)*	400	N/A
20700702	FDK08	Right, Φ10×420 *(Φ10×420, phải)*	420	N/A
20700703	FDK08	Right, Φ10×440 *(Φ10×440, phải)*	440	N/A
20700704	FDK08	Right, Φ10×460 *(Φ10×460, phải)*	460	N/A

Femoral Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương đùi

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700705	FDK08	Left, Φ11×300 (*Φ11×300, trái*)	300	N/A
20700706	FDK08	Left, Φ11×320 (*Φ11×320, trái*)	320	N/A
20700707	FDK08	Left, Φ11×340 (*Φ11×340, trái*)	340	N/A
20700708	FDK08	Left, Φ11×360 (*Φ11×360, trái*)	360	N/A
20700709	FDK08	Left, Φ11×380 (*Φ11×380, trái*)	380	N/A
20700710	FDK08	Left, Φ11×400 (*Φ11×400, trái*)	400	N/A
20700711	FDK08	Left, Φ11×420 (*Φ11×420, trái*)	420	N/A
20700712	FDK08	Left, Φ11×440 (*Φ11×440, trái*)	440	N/A
20700713	FDK08	Left, Φ11×460 (*Φ11×460, trái*)	460	N/A
20700714	FDK08	Right, Φ11×300 (*Φ11×300, phải*)	300	N/A
20700715	FDK08	Right, Φ11×320 (*Φ11×320, phải*)	320	N/A
20700716	FDK08	Right, Φ11×340 (*Φ11×340, phải*)	340	N/A
20700717	FDK08	Right, Φ11×360 (*Φ11×360, phải*)	360	N/A
20700718	FDK08	Right, Φ11×380 (*Φ11×380, phải*)	380	N/A
20700719	FDK08	Right, Φ11×400 (*Φ11×400, phải*)	400	N/A
20700720	FDK08	Right, Φ11×420 (*Φ11×420, phải*)	420	N/A
20700721	FDK08	Right, Φ11×440 (*Φ11×440, phải*)	440	N/A
20700722	FDK08	Right, Φ11×460 (*Φ11×460, phải*)	460	N/A
20700723	FDK08	Left, Φ12×300 (*Φ12×300, trái*)	300	N/A
20700724	FDK08	Left, Φ12×320 (*Φ12×320, trái*)	320	N/A
20700725	FDK08	Left, Φ12×340 (*Φ12×340, trái*)	340	N/A
20700726	FDK08	Left, Φ12×360 (*Φ12×360, trái*)	360	N/A
20700727	FDK08	Left, Φ12×380 (*Φ12×380, trái*)	380	N/A
20700728	FDK08	Left, Φ12×400 (*Φ12×400, trái*)	400	N/A
20700729	FDK08	Left, Φ12×420 (*Φ12×420, trái*)	420	N/A
20700730	FDK08	Left, Φ12×440 (*Φ12×440, trái*)	440	N/A
20700731	FDK08	Left, Φ12×460 (*Φ12×460, trái*)	460	N/A
20700732	FDK08	Right, Φ12×300 (*Φ12×300, phải*)	300	N/A
20700733	FDK08	Right, Φ12×320 (*Φ12×320, phải*)	320	N/A
20700734	FDK08	Right, Φ12×340 (*Φ12×340, phải*)	340	N/A
20700735	FDK08	Right, Φ12×360 (*Φ12×360, phải*)	360	N/A
20700736	FDK08	Right, Φ12×380 (*Φ12×380, phải*)	380	N/A
20700737	FDK08	Right, Φ12×400 (*Φ12×400, phải*)	400	N/A
20700738	FDK08	Right, Φ12×420 (*Φ12×420, phải*)	420	N/A
20700739	FDK08	Right, Φ12×440 (*Φ12×440, phải*)	440	N/A
20700740	FDK08	Right, Φ12×460 (*Φ12×460, phải*)	460	N/A

Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi

6.5mm Interlocking Screw V
Vít chốt khóa cổ 6.5mm - V

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia *(Đường kính thân vít):*	6.5mm
Core Dia *(Đường kính lõi vít):*	4.5mm
Pitch *(Bước ren):*	2.5mm
Head Dia *(Đường kính đầu vít):*	8.0mm
Drill Bit *(Mũi khoan):*	5.2mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700741	FJSEZN05	Φ6.5×60	60	N/A
20700742	FJSEZN05	Φ6.5×65	65	N/A
20700743	FJSEZN05	Φ6.5×70	70	N/A
20700744	FJSEZN05	Φ6.5×75	75	N/A
20700745	FJSEZN05	Φ6.5×80	80	N/A
20700746	FJSEZN05	Φ6.5×85	85	N/A
20700747	FJSEZN05	Φ6.5×90	90	N/A
20700748	FJSEZN05	Φ6.5×95	95	N/A
20700749	FJSEZN05	Φ6.5×100	100	N/A
20700750	FJSEZN05	Φ6.5×105	105	N/A
20700751	FJSEZN05	Φ6.5×110	110	N/A
20700752	FJSEZN05	Φ6.5×115	115	N/A

Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi

5.0mm Interlocking Screw III
Vít chốt khóa 5.0mm - III

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia *(Đường kính thân vít):*	5.0mm
Core Dia *(Đường kính lõi vít):*	3.9mm
Pitch *(Bước ren):*	1.75mm
Head Dia *(Đường kính đầu vít):*	8.0mm
Drill Bit *(Mũi khoan):*	4.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700507	FJS03	Φ5.0 × 26	26	N/A
20700508	FJS03	Φ5.0 × 28	28	N/A
20700509	FJS03	Φ5.0 × 30	30	N/A
20700510	FJS03	Φ5.0 × 32	32	N/A
20700511	FJS03	Φ5.0 × 34	34	N/A
20700512	FJS03	Φ5.0 × 36	36	N/A
20700513	FJS03	Φ5.0 × 38	38	N/A
20700514	FJS03	Φ5.0 × 40	40	N/A
20700515	FJS03	Φ5.0 × 42	42	N/A
20700516	FJS03	Φ5.0 × 44	44	N/A
20700517	FJS03	Φ5.0 × 46	46	N/A
20700518	FJS03	Φ5.0 × 48	48	N/A
20700519	FJS03	Φ5.0 × 50	50	N/A
20700520	FJS03	Φ5.0 × 52	52	N/A
20700521	FJS03	Φ5.0 × 54	54	N/A
20700522	FJS03	Φ5.0 × 56	56	N/A
20700523	FJS03	Φ5.0 × 58	58	N/A
20700524	FJS03	Φ5.0 × 60	60	N/A
20700525	FJS03	Φ5.0 × 62	62	N/A
20700526	FJS03	Φ5.0 × 64	64	N/A
20700527	FJS03	Φ5.0 × 66	66	N/A
20700528	FJS03	Φ5.0 × 68	68	N/A
20700529	FJS03	Φ5.0 × 70	70	N/A
20700530	FJS03	Φ5.0 × 72	72	N/A
20700531	FJS03	Φ5.0 × 74	74	N/A
20700532	FJS03	Φ5.0 × 76	76	N/A
20700533	FJS03	Φ5.0 × 78	78	N/A
20700534	FJS03	Φ5.0 × 80	80	N/A
20700535	FJS03	Φ5.0 × 85	85	N/A
20700536	FJS03	Φ5.0 × 90	90	N/A
20700537	FJS03	Φ5.0 × 95	95	N/A
20700538	FJS03	Φ5.0 × 100	100	N/A

Femoral Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương đùi

Locking Head III
Nắp đinh - III

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) *(Đường kính):*	6.7mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700753	FSTQQB03	Φ6.7 × 11.5	11.5	N/A
20700754	FSTQQB03	Φ6.7 × 16.5	16.5	N/A
20700755	FSTQQB03	Φ6.7 × 21.5	21.5	N/A
20700756	FSTQQB03	Φ6.7 × 26.5	26.5	N/A

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày

Intramedullary Nail I (Tibial Intramedullary Nail)

Đinh nội tủy I (Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày)

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Proximal Dia. (mm) *(Đường kính đầu đinh):*	11mm
CDD:	4.2mm
Entry point *(Điểm vào):*	Greater trochanter *(Mấu chuyển lớn)*
Body *(Thân đinh):*	Hollow *(Rỗng)*
Top holes *(Lỗ đầu gần):*	5
Bottom holes *(Lỗ đầu xa):*	4

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700561	FDK01	Φ8.5 × 255	255	N/A
20700578	FDK01	Φ8.5 × 270	270	N/A
20700562	FDK01	Φ8.5 × 285	285	N/A
20700579	FDK01	Φ8.5 × 300	300	N/A
20700563	FDK01	Φ8.5 × 315	315	N/A
20700580	FDK01	Φ8.5 × 330	330	N/A
20700564	FDK01	Φ8.5 × 345	345	N/A
20700581	FDK01	Φ8.5 × 360	360	N/A
20700565	FDK01	Φ8.5 × 375	375	N/A
20700582	FDK01	Φ8.5 × 390	390	N/A
20700566	FDK01	Φ8.5 × 405	405	N/A
20700567	FDK01	Φ9 × 255	255	N/A
20700583	FDK01	Φ9 × 270	270	N/A
20700568	FDK01	Φ9 × 285	285	N/A
20700584	FDK01	Φ9 × 300	300	N/A
20700569	FDK01	Φ9 × 315	315	N/A
20700585	FDK01	Φ9 × 330	330	N/A
20700570	FDK01	Φ9 × 345	345	N/A
20700586	FDK01	Φ9 × 360	360	N/A
20700571	FDK01	Φ9 × 375	375	N/A
20700587	FDK01	Φ9 × 390	390	N/A
20700572	FDK01	Φ9 × 405	405	N/A
20700555	FDK01	Φ10 × 255	255	N/A
20700573	FDK01	Φ10 × 270	270	N/A
20700556	FDK01	Φ10 × 285	285	N/A
20700574	FDK01	Φ10 × 300	300	N/A
20700557	FDK01	Φ10 × 315	315	N/A
20700575	FDK01	Φ10 × 330	330	N/A
20700558	FDK01	Φ10 × 345	345	N/A
20700576	FDK01	Φ10 × 360	360	N/A
20700559	FDK01	Φ10 × 375	375	N/A
20700577	FDK01	Φ10 × 380	380	N/A
20700560	FDK01	Φ10 × 405	405	N/A

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày

4.0mm Interlocking Screw IV

Vít chốt khóa 4.0mm - IV

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia *(Đường kính thân vít):*	4.0mm
Core Dia *(Đường kính lõi vít):*	3.4mm
Pitch *(Bước ren):*	2.5mm
Head Dia *(Đường kính đầu vít):*	8.0mm
Drill Bit *(Mũi khoan):*	3.2mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700588	FJSFZM04	Φ4.0 × 24	24	N/A
20700589	FJSFZM04	Φ4.0 × 26	26	N/A
20700590	FJSFZM04	Φ4.0 × 28	28	N/A
20700591	FJSFZM04	Φ4.0 × 30	30	N/A
20700592	FJSFZM04	Φ4.0 × 32	32	N/A
20700593	FJSFZM04	Φ4.0 × 34	34	N/A
20700594	FJSFZM04	Φ4.0 × 36	36	N/A
20700595	FJSFZM04	Φ4.0 × 38	38	N/A
20700596	FJSFZM04	Φ4.0 × 40	40	N/A
20700597	FJSFZM04	Φ4.0 × 42	42	N/A
20700598	FJSFZM04	Φ4.0 × 44	44	N/A
20700599	FJSFZM04	Φ4.0 × 46	46	N/A
20700600	FJSFZM04	Φ4.0 × 48	48	N/A
20700601	FJSFZM04	Φ4.0 × 50	50	N/A
20700602	FJSFZM04	Φ4.0 × 52	52	N/A
20700603	FJSFZM04	Φ4.0 × 54	54	N/A
20700604	FJSFZM04	Φ4.0 × 56	56	N/A
20700605	FJSFZM04	Φ4.0 × 58	58	N/A
20700606	FJSFZM04	Φ4.0 × 60	60	N/A
20700607	FJSFZM04	Φ4.0 × 62	62	N/A
20700608	FJSFZM04	Φ4.0 × 64	64	N/A
20700609	FJSFZM04	Φ4.0 × 66	66	N/A
20700610	FJSFZM04	Φ4.0 × 68	68	N/A
20700611	FJSFZM04	Φ4.0 × 70	70	N/A
20700612	FJSFZM04	Φ4.0 × 72	72	N/A
20700613	FJSFZM04	Φ4.0 × 74	74	N/A
20700614	FJSFZM04	Φ4.0 × 76	76	N/A
20700615	FJSFZM04	Φ4.0 × 78	78	N/A
20700616	FJSFZM04	Φ4.0 × 80	80	N/A

Tibial Intramedullary Nail

Đinh nội tủy xương chày

5.0mm Interlocking Screw IV

Vít chốt khóa 5.0mm - IV

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Thread Dia *(Đường kính thân vít):*	5.0mm
Core Dia *(Đường kính lõi vít):*	4.3mm
Pitch *(Bước ren):*	2.5mm
Head Dia *(Đường kính đầu vít):*	8.0mm
Drill Bit *(Mũi khoan):*	4.0mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700617	FJSFZM04	Φ5.0 × 24	24	N/A
20700618	FJSFZM04	Φ5.0 × 26	26	N/A
20700619	FJSFZM04	Φ5.0 × 28	28	N/A
20700620	FJSFZM04	Φ5.0 × 30	30	N/A
20700621	FJSFZM04	Φ5.0 × 32	32	N/A
20700622	FJSFZM04	Φ5.0 × 34	34	N/A
20700623	FJSFZM04	Φ5.0 × 36	36	N/A
20700624	FJSFZM04	Φ5.0 × 38	38	N/A
20700625	FJSFZM04	Φ5.0 × 40	40	N/A
20700626	FJSFZM04	Φ5.0 × 42	42	N/A
20700627	FJSFZM04	Φ5.0 × 44	44	N/A
20700628	FJSFZM04	Φ5.0 × 46	46	N/A
20700629	FJSFZM04	Φ5.0 × 48	48	N/A
20700630	FJSFZM04	Φ5.0 × 50	50	N/A
20700631	FJSFZM04	Φ5.0 × 52	52	N/A
20700632	FJSFZM04	Φ5.0 × 54	54	N/A
20700633	FJSFZM04	Φ5.0 × 56	56	N/A
20700634	FJSFZM04	Φ5.0 × 58	58	N/A
20700635	FJSFZM04	Φ5.0 × 60	60	N/A
20700636	FJSFZM04	Φ5.0 × 62	62	N/A
20700637	FJSFZM04	Φ5.0 × 64	64	N/A
20700638	FJSFZM04	Φ5.0 × 66	66	N/A
20700639	FJSFZM04	Φ5.0 × 68	68	N/A
20700640	FJSFZM04	Φ5.0 × 70	70	N/A
20700641	FJSFZM04	Φ5.0 × 72	72	N/A
20700642	FJSFZM04	Φ5.0 × 74	74	N/A
20700643	FJSFZM04	Φ5.0 × 76	76	N/A
20700644	FJSFZM04	Φ5.0 × 78	78	N/A
20700645	FJSFZM04	Φ5.0 × 80	80	N/A
20700646	FJSFZM04	Φ5.0 × 85	85	N/A
20700647	FJSFZM04	Φ5.0 × 90	90	N/A
20700648	FJSFZM04	Φ5.0 × 95	95	N/A
20700649	FJSFZM04	Φ5.0 × 100	100	N/A

Tibial Intramedullary Nail
Đinh nội tủy xương chày

6.5mm Locking Head II
Nắp đinh 6.5mm - II

Remarks *Mô tả*	
Material *(Chất liệu):*	Titanium TC4 (Ti6Al4V)
Dia. (mm) *(Đường kính):*	6.5mm

Product No *Mã sản phẩm*	Model No *Mã Model*	Specification *Đặc điểm*	Length (mm) *Dài*	Remarks *Mô tả*
20700664	FSTQQB02	0, Φ6.5 × 12	12	N/A
20700665	FSTQQB02	5, Φ6.5 × 17	17	N/A
20700666	FSTQQB02	15, Φ6.5 × 22	22	N/A
20700667	FSTQQB02	20, Φ6.5 × 27	27	N/A